

COVID-19 LÀ SỰ KIỆN BẤT KHẢ KHÁNG HAY HOÀN CẢNH THAY ĐỔI CƠ BẢN – NHÌN TỪ GÓC ĐỘ PHÁP LÝ

Nguyễn Thị Dịu Hiền

Học viện Ngân hàng – Phân viện Phú Yên

Email: nguyenthidiuhien1985@gmail.com

Ngày nhận bài: 05/05/2022; Ngày nhận đăng: 01/07/2023

Tóm tắt

Covid-19 đã và đang ảnh hưởng đến tình hình kinh tế xã hội của Việt Nam nói chung và đến các quan hệ hợp đồng nói riêng. Trong các tranh chấp về hợp đồng do ảnh hưởng của Covid-19, đáng chú ý là, tranh chấp liên quan đến việc xác định Covid-19 là sự kiện bất khả kháng hay hoàn cảnh thay đổi cơ bản. Bài viết phân tích các quy định của pháp luật về sự kiện bất khả kháng cũng như về hoàn cảnh thay đổi cơ bản, nguyên nhân của liên quan đến việc xác định Covid-19 là sự kiện bất khả kháng hay hoàn cảnh thay đổi cơ bản; từ đó, đưa ra một số lưu ý đối với doanh nghiệp khi xác lập hợp đồng trong tình hình dịch bệnh Covid-19 như hiện nay.

Từ khóa: Covid-19, hoàn cảnh thay đổi cơ bản, sự kiện bất khả kháng.

Is Covid-19 a force majeure event or a hardship – from legal perspectives

Nguyen Thi Diu Hien

Banking Academy of Viet Nam – Phu Yen Campus

Received: May 05, 2022; Accepted: July 01, 2023

Abstract

Covid-19 has been affecting the socio-economic situation of Vietnam in general and the commercial contractual relations in particular. In disputes over commercial contracts due to the effects of Covid-19; notably, the ones related to the determination of Covid-19 as a force majeure event or a hardship. The article analyzes the legal provisions on force majeure events as well as the hardships, the causes of the legal disputes over commercial contracts relating to the determination of Covid-19 as a force majeure or a hardship; from there, some notes are given to businesses when agreeing to establish commercial contracts in the current situation of the Covid-19 pandemic.

Keywords: Covid-19, hardship, force majeure.

1. Quy định của pháp luật về sự kiện bất khả kháng và hoàn cảnh thay đổi cơ bản

1.1. Quy định của pháp luật về sự kiện bất khả kháng

Về phương diện quốc tế, sự kiện bất khả kháng được quy định tại Điều 79 của Công ước Liên Hợp Quốc về Hợp đồng

mua bán hàng hoá quốc tế 1980 (CISG) với tiêu đề Exemption (Miễn trách): “một bên không chịu trách nhiệm về việc không thực hiện bất kỳ một nghĩa vụ nào đó của họ nếu chứng minh được rằng việc không thực hiện đó là do một trở ngại nằm ngoài sự kiểm soát của họ và người ta không thể chờ

đội một cách hợp lý rằng họ phải tính tới trở ngại đó vào lúc ký kết hợp đồng hoặc là tránh được hay khắc phục được hậu quả của nó”. Quy định này cùng với nhiều quy định khác trong CISG cho thấy, điều kiện cần để một trường hợp bất khả kháng được miễn trách khi đó là những trở ngại thực sự khiến cho việc thực hiện nghĩa vụ là không thể và bên có nghĩa vụ trong hợp đồng phải không biết và không buộc phải biết về điều này tại thời điểm giao kết (Peter Schlechtriem, 1980).

Tại Việt Nam, sự kiện bất khả kháng được quy định tại Điều 156 Bộ luật Dân sự 2015: “*Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép*”. Theo quy định này, sự kiện được coi là bất khả kháng phải có đủ 3 điều kiện: Một là, sự kiện đó là yếu tố khách quan; có thể do tự nhiên như: Thiên tai (lũ lụt, hạn hán, sóng thần...), chiến tranh hoặc do con người (theo quyết định của cá nhân, tổ chức có thẩm quyền) gây ra. Hai là, sự kiện đó không lường trước được, tức là, các bên không biết và không thể biết sự kiện này sẽ xuất hiện. Ba là, bên có nghĩa vụ không thể thực hiện nghĩa vụ cũng như không thể khắc phục hậu quả, mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép (Trương Nhật Quang & Ngô Thái Ninh, 2020).

Tiếp đến, Điều 351 Bộ luật Dân sự 2015 quy định: “*Trường hợp bên có nghĩa vụ không thực hiện đúng nghĩa vụ do sự kiện bất khả kháng thì không phải chịu trách nhiệm dân sự, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác*”. Thêm nữa, theo Điều 294 Luật thương mại 2005 thì: “*Bên vi phạm hợp đồng được miễn trách nhiệm trong các*

trường hợp sau: a) Xây ra trường hợp miễn trách nhiệm mà các bên đã thỏa thuận; b) Xây ra sự kiện bất khả kháng”. Tức là, hậu quả pháp lý khi xảy ra sự kiện bất khả kháng là, bên có nghĩa vụ không phải chịu trách nhiệm dân sự nếu các bên không có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác. Trong trường hợp này, bên có nghĩa vụ có trách nhiệm chứng minh sự kiện đó là sự kiện bất khả kháng.

Nhìn chung, pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam đều có điểm chung về các tiêu chí để xác định một sự kiện là bất khả kháng; đó là, (i) khách quan, (ii) không thể lường trước và (iii) không thể khắc phục. Hậu quả pháp lý khi xảy ra sự kiện bất khả kháng là, bên có nghĩa vụ không phải chịu trách nhiệm dân sự nếu các bên không có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

1.2. Quy định của pháp luật về hoàn cảnh thay đổi cơ bản

Theo thông lệ quốc tế, hoàn cảnh thay đổi cơ bản được biết đến với thuật ngữ “Hardship”. Theo định nghĩa nêu tại Điều 6.2.2 của Bộ nguyên tắc hợp đồng thương mại quốc tế (PICC) 2010 của Viện Quốc tế về Nhất thể hoá pháp luật tư (UNIDROIT) thì một hoàn cảnh được gọi là “hardship”, nếu nó gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự cân bằng của hợp đồng, hoặc làm cho phí thực hiện tăng quá cao, hoặc giá trị nhận được do thực hiện nghĩa vụ giảm quá thấp (Nguyễn Minh Hằng & Cộng sự, 2014). Còn theo Bộ nguyên tắc của luật hợp đồng Châu Âu (PECL) thì điều khoản Hardship được quy định tại Điều 6: 111 với tên gọi “Change of Circumstances” (“Sự thay đổi hoàn cảnh”), theo đó, khoản 1 quy định: “*mỗi bên phải hoàn thành các nghĩa vụ của mình, ngay cả khi việc thực hiện hợp đồng trở nên tốn kém hơn, do chi phí thực hiện tăng hoặc do giá trị của khoản thanh toán*

giảm”, khoản 2 quy định: “Tuy nhiên, nếu việc thực hiện hợp đồng trở nên quá khó khăn bởi vì có sự thay đổi về hoàn cảnh, các bên buộc phải tiến hành thỏa thuận với quan điểm là chỉnh sửa hợp đồng hoặc chấm dứt hợp đồng”.

Về cơ bản, PICC và PECL đều ghi nhận điều kiện để được xem là Hardship gồm: (i) Các sự kiện này xảy ra hoặc được bên bị thiệt hại biết đến sau khi giao kết hợp đồng; (ii) Bên bị bất lợi đã không thể dự đoán đến các sự kiện đó khi giao kết hợp đồng; (iii) Các sự kiện này nằm ngoài sự kiểm soát của bên bị bất lợi. Tuy nhiên, PECL cho phép cả hai bên đàm phán lại, nhưng và chỉ khi các bên không đàm phán lại thì tòa án mới “cho chấm dứt” hoặc “sửa đổi hợp đồng theo một cách công bằng”.

Theo pháp luật Việt Nam, Bộ luật Dân sự 2015 có quy định về thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản tại Điều 420; cụ thể, hoàn cảnh thay đổi cơ bản khi có đủ các điều kiện sau đây: “a) Sự thay đổi hoàn cảnh do nguyên nhân khách quan xảy ra sau khi giao kết hợp đồng; b) Tại thời điểm giao kết hợp đồng, các bên không thể lường trước được về sự thay đổi hoàn cảnh; c) Hoàn cảnh thay đổi lớn đến mức nếu như các bên biết trước thì hợp đồng đã không được giao kết hoặc được giao kết nhưng với nội dung hoàn toàn khác; d) Việc tiếp tục thực hiện hợp đồng mà không có sự thay đổi nội dung hợp đồng sẽ gây thiệt hại nghiêm trọng cho một bên; đ) Bên có lợi ích bị ảnh hưởng đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết trong khả năng cho phép, phù hợp với tính chất của hợp đồng mà không thể ngăn chặn, giảm thiểu mức độ ảnh hưởng đến lợi ích.”

Hậu quả pháp lý khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản là “bên có lợi ích bị ảnh hưởng có quyền yêu cầu bên kia đàm phán lại hợp đồng trong một thời hạn hợp lý. Trường

hợp các bên không thể thỏa thuận được về việc sửa đổi hợp đồng trong một thời hạn hợp lý, một trong các bên có thể yêu cầu Tòa án: a) Chấm dứt hợp đồng tại một thời điểm xác định; b) Sửa đổi hợp đồng để cân bằng quyền và lợi ích hợp pháp của các bên do hoàn cảnh thay đổi cơ bản. Tòa án chỉ được quyết định việc sửa đổi hợp đồng trong trường hợp việc chấm dứt hợp đồng sẽ gây thiệt hại lớn hơn so với các chi phí để thực hiện hợp đồng nếu được sửa đổi. Trong quá trình đàm phán sửa đổi, chấm dứt hợp đồng, Tòa án giải quyết vụ việc, các bên vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ của mình theo hợp đồng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”.

Như vậy, quy định về hoàn cảnh thay đổi cơ bản (Hardship) trong các Bộ Nguyên tắc PICC, PECL hay trong BLDS Việt Nam 2015 là tương đối đồng nhất về khái niệm, phạm vi áp dụng, cũng như hậu quả pháp lý.

1.3. Phân biệt sự kiện bất khả kháng và hoàn cảnh thay đổi cơ bản

Từ những phân tích quy định của pháp luật quốc tế, pháp luật Việt Nam về sự kiện bất khả kháng và hoàn cảnh thay đổi cơ bản ở trên, ta thấy, hai khái niệm này có những điểm khác biệt sau:

Thứ nhất, sự kiện bất khả kháng và hoàn cảnh thay đổi cơ bản đều là những trường hợp thay đổi hoàn cảnh thực hiện hợp đồng nhưng sự thay đổi đó tác động vào việc thực hiện hợp đồng theo các cách khác nhau. Trong trường hợp sự kiện bất khả kháng, sự thay đổi hoàn cảnh này làm cho một bên hoàn toàn không thể thực hiện nghĩa vụ hợp đồng, ít nhất là trong một khoảng thời gian nhất định; trong khi đó, đối với trường hợp hoàn cảnh thay đổi cơ bản, sự thay đổi hoàn cảnh làm cho việc thực hiện nghĩa vụ hợp đồng trở nên khó khăn hơn, tốn nhiều chi phí hơn, nhưng

không phải là không thể thực hiện được như trường hợp sự kiện bất khả kháng.

Thứ hai, trong các hoàn cảnh thay đổi có thể xảy ra, sự kiện bất khả kháng đề cập đến những tình huống trong thực tế như chiến tranh, thiên tai, sự cản trở của chính quyền trong khi đó hoàn cảnh thay đổi cơ bản lại đề cập đến sự kiện khách quan xảy ra sau khi ký kết hợp đồng, ngoài khả năng dự kiến và làm ảnh hưởng nghiêm trọng tới việc thực hiện hợp đồng theo những gì đã thỏa thuận giữa hai bên lúc ban đầu. Sự khác biệt có thể nhận thấy rõ nhất ở đây là trong khi sự kiện bất khả kháng đưa ra những điều kiện áp dụng cụ thể nhất, chỉ rõ những trường hợp trong thực tế thì hoàn cảnh thay đổi cơ bản chỉ đưa ra những dự đoán chung.

Thứ ba, xét về hệ quả pháp lý thì khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên vi phạm được hoàn toàn miễn trách nhiệm hoặc các bên có thể gia hạn một khoảng thời gian hợp lý để tiếp tục thực hiện hợp đồng khi sự kiện bất khả kháng kết thúc. Với sự kiện bất khả kháng, mọi nghĩa vụ trong hợp đồng được giải phóng mà không phải chịu bất cứ chế tài gì. Còn khi gặp phải hoàn cảnh thay đổi cơ bản thì các bên vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình. Hợp đồng có thể được chấm dứt nhưng phải do phán quyết của tòa án. Ngoài ra, tòa án có thể sửa đổi các điều khoản của hợp đồng nhằm làm cho các nghĩa vụ của hợp đồng có thể được cân bằng, tạo điều kiện cho việc tiếp tục thực hiện hợp đồng.

Thứ tư, khi sự kiện bất khả kháng xảy ra, việc thông báo và chứng minh là yếu tố cần thiết để sự viện dẫn miễn trách được chấp thuận. Việc thông báo này phải nhanh chóng và hợp lý (có thể có thỏa thuận trước về vấn đề này). Kèm theo sự thông báo là sự chứng minh dưới dạng văn bản xác nhận của chính quyền sở tại, các

văn bản có liên quan có thể có giá trị chứng minh hoặc sự đưa tin tức, hình ảnh của báo chí để việc thông báo là chính xác cũng như hỗ trợ chính đáng cho việc viện dẫn cho sự miễn trách của bên bị ảnh hưởng. Việc chấp thuận hay không chấp thuận cho sự giải phóng nghĩa vụ, trách nhiệm từ sự vi phạm thực tế của bên kia còn tùy thuộc vào khả năng đàm phán, nếu như hai bên không thể đưa ra kết quả thống nhất thì việc viện dẫn luật áp dụng tại tòa án theo sự thỏa thuận trong hợp đồng sẽ là bước tiếp theo. Với hoàn cảnh thay đổi cơ bản, việc thông báo cũng là cần thiết trong thời gian hợp lý. Việc thông báo không làm cho việc thực hiện hợp đồng bị trì hoãn. Bên bị ảnh hưởng của sự thay đổi hoàn cảnh sẽ phải yêu cầu đối tác đàm phán lại các điều khoản của hợp đồng và cần nêu rõ lý do của yêu cầu đó. Các bên sẽ đàm phán lại hợp đồng trên cơ sở công bằng và đảm bảo không bên nào phải chịu thiệt hại quá mức. Nếu việc đàm phán lại không đi đến quyết định thống nhất giữa các bên thì vụ việc có thể được giải quyết tại Trọng tài hoặc Tòa án, tùy vào sự thỏa thuận giữa các bên.

Nói ngắn gọn, sự kiện bất khả kháng và hoàn cảnh thay đổi cơ bản đều có cùng dấu hiệu là: yếu tố khách quan và các bên không thể lường trước được. Hai khái niệm này khác nhau ở hai điểm cơ bản: Một là, sự kiện bất khả kháng làm cho bên có nghĩa vụ không thể thực hiện được nghĩa vụ mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết. Còn ở hoàn cảnh thay đổi cơ bản thì hợp đồng vẫn có thể tiếp tục thực hiện được, tuy nhiên, “*việc tiếp tục thực hiện hợp đồng mà không có sự thay đổi nội dung hợp đồng sẽ gây thiệt hại nghiêm trọng cho một bên*”. Hai là, hậu quả pháp lý, về nguyên tắc, khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên có nghĩa vụ được miễn trách nhiệm; còn khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản thì các bên thương

lượng, đàm phán sửa đổi hợp đồng.

2. Tranh chấp pháp lý liên quan đến việc xác định Covid-19 là sự kiện bất khả kháng hay hoàn cảnh thay đổi cơ bản

Ngày 1 tháng 4 năm 2020, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 447/QĐ-TTg chính thức công bố dịch Covid-19 trên toàn quốc. Đến nay, nước ta đã trải qua 4 đợt dịch. Trong 2 năm, đại dịch Covid-19 đã làm tình hình sản xuất, kinh doanh bị đình trệ, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó có việc thực hiện các hợp đồng thương mại. Rất nhiều doanh nghiệp gặp khó khăn trong kinh doanh, mất nguồn thu dẫn đến không thực hiện được các giao kết hợp đồng đã ký kết với đối tác.

Theo thống kê của Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam (VIAC), từ tháng 1 đến tháng 9/2020, VIAC đã tiếp nhận và thụ lý khoảng trên 130 vụ tranh chấp (VIAC, 2020). Hầu hết những vụ tranh chấp này đều liên quan đến việc các bên viện dẫn sự kiện bất khả kháng do ảnh hưởng của Covid-19. Thực tế cho thấy, nguyên nhân chính của các tranh chấp pháp lý về hợp đồng liên quan đến điều khoản sự kiện bất khả kháng do dịch Covid-19 là, các bên không thống nhất trong việc xác định dịch Covid-19 là sự kiện bất khả kháng hay hoàn cảnh thay đổi cơ bản. Vì theo phân tích ở trên, hậu quả pháp lý, về nguyên tắc, khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên có nghĩa vụ được miễn trách nhiệm; còn khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản thì các bên thương lượng, đàm phán sửa đổi hợp đồng.

Trước hết, khi xét đến yếu tố ảnh hưởng của dịch Covid-19 đến việc thực hiện hợp đồng, là xem xét sự tác động từ các hành vi, quyết định, văn bản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền liên quan đến các biện pháp ngăn chặn sự lây lan của

dịch Covid-19, ảnh hưởng đến việc thực hiện hợp đồng của các bên. Những hành vi, quyết định, văn bản này là các sự kiện diễn ra nằm ngoài ý chí của các bên nên đáp ứng 2 điều kiện là: yếu tố khách quan và không thể lường trước. Cũng cần nói thêm rằng, đối với điều kiện "lường trước" của dịch Covid-19 trong việc thực hiện hợp đồng thì cần căn cứ vào thời điểm xác lập hợp đồng. Nếu hợp đồng được xác lập sau thời điểm công bố dịch bệnh (từ ngày 1 tháng 4 năm 2020 đến nay) thì việc ảnh hưởng của dịch bệnh đến việc thực hiện hợp đồng không được coi là sự kiện bất khả kháng hay thay đổi hoàn cảnh cơ bản.

Còn đối với các hợp đồng xác lập và có hiệu lực trước ngày 1 tháng 4 năm 2020, thì Covid-19 là sự kiện bất khả kháng hay hoàn cảnh thay đổi cơ bản phụ thuộc vào điều kiện thứ ba. Cụ thể, Covid-19 là sự kiện bất khả kháng nếu Covid-19 làm cho bên có nghĩa vụ không thể thực hiện được nghĩa vụ mặc dù áp dụng các biện pháp cần thiết. Còn nếu bên có nghĩa vụ vẫn thực hiện được hợp đồng, tuy nhiên, vì Covid-19 mà việc tiếp tục thực hiện hợp đồng gây thiệt hại nghiêm trọng cho một bên thì Covid-19 là hoàn cảnh thay đổi cơ bản. Việc thực hiện được hợp đồng hay không thực hiện được hợp đồng do Covid-19 phụ thuộc vào nhiều yếu tố như tính chất, nội dung, công việc cụ thể của bên có nghĩa vụ trong hợp đồng, quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về các biện pháp phòng chống dịch Covid-19....

Chẳng hạn, Covid-19 làm cho một số khu vực bị cách ly hoặc kiểm soát nghiêm ngặt khi hàng hóa và người vận chuyển đến khu vực đó. Việc này làm cho thời gian giao hàng trễ hạn hoặc chi phí vận chuyển, bảo quản hàng hoá tăng cao.... Tức là hợp đồng vẫn thực hiện được nhưng việc thực hiện hợp đồng gây thiệt hại nghiêm trọng

cho một bên. Do vậy, trong trường hợp này, Covid-19 là hoàn cảnh thay đổi cơ bản. Còn trong trường hợp vì Covid-19 mà dẫn đến cơ quan có thẩm quyền có quyết định cấm lưu thông, bốc hàng, dỡ hàng, cấm xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa... thì lúc này Covid-19 là sự kiện bất khả kháng. Tức là, tùy vào trường hợp cụ thể, Covid-19 có thể là sự kiện bất khả kháng hoặc hoàn cảnh thay đổi cơ bản.

3. Một số lưu ý khi xác lập hợp đồng trong tình hình dịch bệnh Covid-19

Từ những phân tích trên, ta thấy có hai trường hợp: Một là, nếu hợp đồng được ký kết trước thời điểm Nhà nước ta công bố dịch Covid-19 và việc thực hiện hợp đồng diễn ra trong thời gian dịch bệnh thì đó là sự kiện khách quan, hoàn toàn bất ngờ đối với các bên bởi nội dung trong hợp đồng đã không dự liệu trước tình huống này. Hai là, nếu hợp đồng được ký kết trong thời gian đã công bố dịch bệnh và việc vi phạm hợp đồng xảy ra do dịch bệnh thì cũng cần xác định rõ thời gian, địa điểm một cách cụ thể để đánh giá mức độ hành vi vi phạm hợp đồng và thiệt hại đã xảy ra. Bởi vì, Nhà nước công bố dịch Covid-19 trên phạm vi toàn quốc nhưng cho phép chính quyền địa phương cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã tùy tình hình mà áp dụng các biện pháp phù hợp để phong tỏa, cách ly y tế, cấm đi ra ngoài vì những lý do không cần thiết...

Như vậy, chúng ta có thể nhận thấy không có mẫu số chung cho các trường hợp vi phạm hợp đồng vì dịch bệnh Covid-19. Trong thời điểm hiện tại khi mà dịch bệnh chưa chấm dứt, để tự bảo vệ mình, các doanh nghiệp đã và đang ký kết, thực hiện các hợp đồng cần có những tài liệu, chứng cứ, thông tin chính thức, chính xác và cụ thể về việc thực hiện nghĩa vụ. Các chủ thể không thể lập luận chung chung rằng vì dịch Covid-19 mà vi phạm hợp đồng,

không thực hiện nghĩa vụ hợp đồng, đơn phương chấm dứt hợp đồng, thoái thác trách nhiệm trước đối tác.

Có thể thấy rằng, những rủi ro trong việc ký kết và thực hiện các hợp đồng trong thời kỳ đại dịch là điều khó tránh khỏi. Bên vi phạm nghĩa vụ hợp đồng vì dịch bệnh và cả bên bị vi phạm hợp đồng có thể phải gánh chịu những thiệt hại ở các mức độ khác nhau. Nhằm hạn chế các rủi ro cũng như tranh chấp pháp lý liên quan đến việc xác định Covid -19 là sự kiện bất khả kháng hay hoàn cảnh thay đổi cơ bản, trong hợp đồng cần thể hiện rõ các nội dung sau: Một là, xác định các yếu tố của sự kiện bất khả kháng theo quy định của pháp luật. Hiện tại, pháp luật Việt Nam không nói rõ là các bên có quyền thỏa thuận về sự kiện bất khả kháng hay không. Tuy nhiên, do không cấm nên ngoài 3 điều kiện như phân tích ở trên, các bên hoàn toàn có quyền thỏa thuận các điều kiện để một sự kiện là bất khả kháng. Hai là, liệt kê một số sự kiện bất khả kháng cụ thể căn cứ vào nội dung, tính chất của hợp đồng giữa các bên. Ba là, quy định rõ trách nhiệm của bên có nghĩa vụ khi xuất hiện sự kiện bất khả kháng. Về nguyên tắc, khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, thì bên có nghĩa vụ được miễn trách nhiệm. Tuy nhiên, pháp luật cho phép các bên được quyền thỏa thuận khác, ví dụ, bên có nghĩa vụ vẫn phải bồi thường một mức hợp lý khi xảy ra sự kiện bất khả kháng. Bốn là, quy định rõ trách nhiệm thông báo khi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

Quan hệ dân sự nói chung và quan hệ giữa các bên trong hợp đồng nói riêng, về nguyên tắc, pháp luật tôn trọng sự thỏa thuận của các bên. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu dịch Covid-19 thực sự ảnh hưởng đến việc thực hiện hợp đồng thì việc đầu tiên, các bên cần thiện chí, hợp tác, trao đổi đối để thống nhất trong việc

giải quyết hậu quả do ảnh hưởng của dịch Covid-19. Trong trường hợp này, bên có nghĩa vụ phải thông tin, thông báo kịp thời bằng văn bản cho bên có quyền về tình hình thực hiện hợp đồng. Tiếp đến, các bên cần xem xét, đánh giá lại hợp đồng nhằm xác định rõ tình trạng pháp lý làm căn cứ giải quyết vấn đề. Nếu hợp đồng có quy định rõ về cách thức xử lý những ảnh hưởng của dịch Covid-19 thì thực hiện theo thỏa thuận trong hợp đồng. Còn nếu hợp đồng không quy định và các bên không thống nhất tình trạng pháp lý của dịch Covid-19 là sự kiện bất khả kháng hay hoàn cảnh thay đổi cơ bản, thì các bên rất có thể sẽ phát sinh tranh chấp.

Vì khi Covid-19 là sự kiện bất khả kháng, hậu quả pháp lý là bên có nghĩa vụ được miễn trách nhiệm nên thông thường, bên có nghĩa vụ sẽ chứng minh dịch Covid-19 thỏa mãn các điều kiện của sự kiện bất khả kháng. Lúc này, bên có nghĩa vụ cần chủ động trong việc lưu giữ các giấy tờ, tài liệu, chứng minh sự ảnh hưởng của dịch Covid đến khả năng đảm bảo thực hiện hợp đồng. Ngoài ra, bên có nghĩa vụ thống kê số liệu doanh thu sụt giảm giữa trước và sau khi xảy ra dịch bệnh, cùng với các khoản chi phí phát sinh đối với những thiệt hại phải chịu kể từ khi xảy ra đại dịch. Quan trọng nhất, bên có nghĩa vụ cần chứng minh là đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết trong khả năng cho phép, nhưng không thể khắc phục được ảnh hưởng của dịch bệnh đến khả năng thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng.

Như đã phân tích ở trên, dịch Covid-19 cũng có thể là hoàn cảnh thay đổi cơ bản. Để chứng minh điều này, các bên cần

đưa ra các dẫn chứng về mức độ thiệt hại, cũng như việc đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết nhằm ngăn chặn và giảm thiểu ảnh hưởng đến lợi ích các bên. Sau khi cùng thỏa thuận xác định dịch bệnh Covid-19 dẫn đến “hoàn cảnh thay đổi cơ bản” của hợp đồng, các bên có thể đàm phán lại hợp đồng để có các điều chỉnh phù hợp. Có nghĩa, chỉ khi các bên cùng xác định dịch bệnh Covid-19 dẫn đến “hoàn cảnh thay đổi cơ bản” thì một trong hai bên mới có quyền yêu cầu đàm phán lại hợp đồng.

4. Kết luận

Sự kiện bất khả kháng hay hoàn cảnh thay đổi cơ bản nói chung và sự kiện bất khả kháng hay hoàn cảnh thay đổi do Covid-19 nói riêng là một vấn đề pháp lý quan trọng. Ngày 11 tháng 10 năm 2021, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 128/NQ-CP quy định tạm thời “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19” đưa nước ta về trạng thái bình thường mới. Khi ký kết các hợp đồng, các doanh nghiệp cần thận trọng và cân nhắc nhiều nội dung để thích ứng với tình hình bình thường mới. Đặc biệt, trong các hợp đồng cần thỏa thuận trước các điều khoản về sự kiện bất khả kháng do thiên tai, dịch bệnh một cách cụ thể hơn để tránh gây thiệt hại và tranh chấp khi thực hiện hợp đồng. Bản chất của những tranh chấp về hợp đồng nói chung và tranh chấp liên quan đến điều khoản bất khả kháng do Covid-19 nói riêng, xuất phát từ lợi ích kinh tế. Do đó, pháp luật luôn khuyến khích các bên cân nhắc phương án giải quyết tối ưu dựa trên cơ sở thiện chí, trên tinh thần hạn chế thiệt hại và chia sẻ khó khăn cho cả hai bên □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bộ luật Dân sự 2015;

Luật Thương mại 2005;

Nguyễn Minh Hằng, Đỗ Văn Đại (và nhóm dịch giả), (2014), *Bộ Nguyên tắc Unidroit về hợp đồng thương mại quốc tế 2004* (sách dịch), NXB Đại học Quốc gia Hà Nội;

Nghị quyết số 128/NQ-CP quy định tạm thời “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19

Peter Schlechtriem (1998), *Commentary on the UN Convention on the International Sale of Goods*, 3rd ed, Oxford University Press.

Trương Nhật Quang & Ngô Thái Ninh (2020), “*Vấn đề miễn trách nhiệm dân sự do vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong trường hợp bất khả kháng – Covid 19*”, Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp, số 04 (404), tháng 02, tr 11-16.

UNCITRAL (1980), Công ước Liên Hợp Quốc về Hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế.

VIAC, Covid-19 – Chuyển động thị trường và lăng kính pháp lý, chuyên san đặc biệt, 6/2020.